TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 8 - 2025
"V/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Kim Thanh và bà Lê Đào Bích .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn có yếu tố nước ngoài*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lô Thị T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang*) – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

2. Bị đơn: Anh **Bế Văn S**, sinh năm 1993;

Nơi ĐKTT: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang*)*.

Hiện đang sinh sống làm việc tại R (không rõ địa chỉ) – *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lô Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bế Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi cùng đi làm ở Bắc Ninh; thời gian đầu vợ chồng vẫn chung sống bình thường, hạnh phúc; nhưng do chồng không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến tháng 10 năm 2023 chồng tôi đi xuất khẩu lao động vợ chồng sống ly thân từ đó, ít khi liên lạc, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng đi xuống. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bế Văn S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có một (01) con chung là cháu Bế Hải Đ, sinh ngày 08/02/2019. Hiện cháu đang sinh sống cùng tôi tại thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Lô Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn anh Bế Văn S đang sinh sống, làm việc tại Romania nhưng không rõ địa chỉ:*

Tòa án tiến hành niêm yết tại nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi người thân thích của anh S cư trú và tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S thông qua bà Ma Thị K (mẹ đẻ anh S); Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang*;*

Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Công văn số 444/QLXNC-Đ1 ngày 26/5/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh T có thông tin: Họ và tên: Bế Văn S, sinh ngày 26/6/1993; Căn cước công dân số: 008093011349; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã sử dụng Hộ chiếu số E00384270 xuất cảnh ngày 22/10/2023 tại Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

** Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2025 và biên bản xác minh ngày 17/6/2025 với bà Ma Thị K, sinh năm 1970 (mẹ đẻ anh Bế Văn S) trình bày:*

Con trai tôi là Bế Văn S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Lô Thị T, sinh năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi đăng ký kết hôn anh S, chị T cùng nhau làm việc tại Bắc Ninh. Đến tháng 10 năm 2023 anh S đi xuất khẩu lao động tại Romania nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài anh S vẫn thường xuyên gọi điện về để hỏi thăm gia đình qua ứng dụng Messenger. Do anh S, chị T đi làm ăn xa, không thường xuyên ở cùng tôi nên tôi không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh S, chị T. Trong thời kỳ hôn nhân anh S, chị T có một (01) con chung là cháu Bế Hải Đ, sinh ngày 08/02/2019. Hiện nay cháu Đ đang sống cùng chị T tại Bắc Ninh.

Về tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung anh Bế Văn S, chị Lô Thị T không có.

Hiện nay chị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và cam đoan sẽ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S ngay sau khi nhận được.

** Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2025 với ông Nông Văn H - Trưởng thôn Tin Kéo, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang trình bày:*

Anh Bế Văn S là công dân sinh ra và lớn lên ở thôn T, xã Y, con của bà Ma Thị K. Khi trưởng thành anh S đi làm công ty tại Bắc Ninh. Sau đó anh S đăng ký kết hôn với chị Lô Thị T, sinh năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Do anh S, chị T ít khi ở địa phương nên thôn không biết nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là gì. Khoảng cuối năm 2023 anh S đi xuất khẩu lao động tại

Romania nhưng thôn không biết địa chỉ cụ thể. Hiện nay cả anh S, chị T đều không có mặt tại địa phương.

Anh S, chị T có một con chung là cháu B Hải Đăng sinh ngày 08/02/2019 hiện nay đang sống cùng chị T ở Bắc Ninh. Về tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung giữa anh S, chị T thôn không nắm được. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 28; khoản 3, Điều 35; khoản 1, Điều 37; Điều 38, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 173; khoản 2, Điều 207; Điều 227; Điều 228, 238; Điều 266; Điều 271, 273; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của TAND tối cao; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các TAND:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lô Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Bế Văn S.

Về con chung: Giao cháu Bế Hải Đ, sinh ngày 08/02/2019 cho chị Lô Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về án phí: Chị Lô Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, anh Bế Văn S không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lô Thị T và anh Bế Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2018 tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An *(nay là UBND xã T, tỉnh Nghệ An)* theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Tranh chấp giữa chị T, anh S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin ly hôn anh S n ; cả hai anh chị đều có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại anh S đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thực hiện nghị quyết về sắp xếp các đơn vị hành chính trong cả nước, ngày 27/6/2025 Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân kể từ ngày 01/7/2025. Theo đó, căn cứ khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết trên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tiếp tục giải quyết vụ án này do đã thụ lý trước 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong. Vụ án này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý từ ngày 19/5/2025 do đó Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn chị Lô Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bế Văn S hiện đang ở nước ngoài tuy không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh S vẫn thường xuyên liên lạc về cho người thân thích tại Việt Nam là bà Ma Thị K (mẹ đẻ anh S) hiện đang sinh sống tại thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang qua ứng dụng Messenger. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S thông qua bà K.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh S, là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị T phù hợp với ý kiến trình bày của bà Ma Thị K (mẹ đẻ anh S) và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị T, anh S không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, hiện nay anh S đang ở nước ngoài nên không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lô Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Bế Văn S.

[3.2] Về con chung: Chị Lô Thị T và anh Bế Văn S có 01 (một) con chung là cháu Bế Hải Đ, sinh ngày 08/02/2019. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh S đang lao động ở nước ngoài, không có khả năng trực tiếp thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Đ, cần thiết phải giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại, thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở và được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Chị T xác nhận là không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

[4] Về án phí: Chị Lô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp. Anh S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 179, 207, 227, 228, 238, 266, 271, 273; khoản 1 Điều 469; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lô Thị T, cho chị Lô Thị T được ly hôn với anh Bế Văn S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2018 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (*nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An*).

2. Về con chung: Giao cháu Bế Hải Đ, sinh ngày 08/02/2019 cho chị Lô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở và được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lô Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000004402812 ngày 19/5/2025 (tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 26, ký hiệu BLTU/25, ngày 19/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang *(nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang).* Chị Lô Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Bế Văn S không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Lô Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Bị đơn anh Bế Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm 1;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Thành Bình Thọ, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Kim Thanh **Lê Đào Bích** **Nguyễn Xuân Thủy**